

Số: /2021/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân công thẩm định giá đối với
tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn
nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-
CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm
nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực
lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức
chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức
xã hội - nghề nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số
151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của
Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản*

công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 312/TTr-STC ngày 17 tháng 11 năm 2020; Báo cáo số 603/BC-STC ngày 29 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về việc phân công thẩm định giá đối với tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là tài sản, hàng hóa, dịch vụ được mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước (sau đây gọi chung là mua, bán, cho thuê, đi thuê tài sản) phải thẩm định giá.

2. Các quy định khác về thẩm định giá không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của Luật Giá và Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ thẩm định giá; cơ quan, tổ chức có tài sản thẩm định giá hoặc có yêu cầu, đề nghị thẩm định giá và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến thẩm định giá.

Điều 3. Các hoạt động thẩm định giá của Nhà nước

Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Mua, bán, cho thuê, đi thuê tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gồm:

a) Mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 1, Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Thuê trụ sở làm việc, tài sản để phục vụ hoạt động trong các cơ quan nhà nước:

- Thuê trụ sở làm việc, nhà trạm và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không phải là trụ sở làm việc.

c) Bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước:

- Bán, thanh lý tài sản là nhà và tài sản khác gắn liền với đất, máy móc,

thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện vận tải;

- Cho thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, tài sản được đầu tư xây dựng để cho thuê theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các trường hợp phải thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá nhưng không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá.

3. Trường hợp sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phê duyệt thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Tài sản mà nhà nước phải thẩm định giá theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Phân công thẩm định giá của Nhà nước

1. Sở Tài chính thẩm định giá trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, cho thuê, đi thuê tài sản có giá trị từ 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và 2.000 triệu đồng/01 gói tài sản trở lên.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định giá trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã được giao mua, bán, cho thuê, đi thuê tài sản (trừ những tài sản do Sở Tài chính thẩm định giá).

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ mua, bán, cho thuê, đi thuê tài sản thực hiện thuê doanh nghiệp thẩm định giá tài sản (trừ những tài sản do Sở Tài chính thẩm định giá) trước khi thực hiện các thủ tục theo quy định.

b) Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, cho thuê, đi thuê tài sản đã đăng công khai thông tin sau 15 (mười lăm) ngày mời cung cấp dịch vụ thẩm định giá nhưng không có doanh nghiệp thẩm định giá tham gia hoặc sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá mà cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về giá thì các cơ quan, tổ chức, đơn vị có văn bản đề nghị Sở Tài chính thẩm định giá.

4. Trình tự thẩm định giá tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 5. Quy định về Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước

1. Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước quy định tại Điều 4 Quyết định này quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước để thẩm định giá đối với các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp thấy cần thiết phải thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước để thực hiện thẩm định giá tài sản theo nhiệm vụ được phân công;

b) Các trường hợp khác mà theo quy định của pháp luật có liên quan quy

định phải thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước.

2. Thành phần Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước

a) Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện gồm:

- Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước cấp tỉnh do Lãnh đạo Sở Tài chính làm Chủ tịch Hội đồng.

- Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước cấp huyện do Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch làm Chủ tịch Hội đồng.

- Các thành viên khác gồm: đại diện đơn vị có tài sản cần thẩm định giá; đại diện đơn vị chuyên môn về quản lý giá, quản lý tài chính của cơ quan tài chính nhà nước;

- Các thành viên khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quyết định, căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần thẩm định giá.

b) Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, quản lý và sử dụng tài sản do lãnh đạo đơn vị có tài sản cần thẩm định giá hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên khác gồm:

- Đại diện bộ phận chuyên môn về giá hoặc tài chính, kế toán của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, quản lý, sử dụng tài sản;

- Đại diện bộ phận chuyên môn về giá hoặc tài chính của cơ quan cấp trên;

- Các thành viên khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần thẩm định giá.

c) Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 28 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ: phải có ít nhất một thành viên đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính hoặc đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học chuyên ngành vật giá, thẩm định giá.

d) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá quyết định thành lập Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định giá.

đ) Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước làm việc theo nguyên tắc quy định tại khoản 4, Điều 28 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ.

e) Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng. Các trường hợp phát sinh sau khi Hội đồng thẩm định giá chấm dứt hoạt động sẽ do cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng chủ trì xử lý.

3. Quyền, nghĩa vụ của Hội đồng và thành viên Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Nghị định

số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ.

4. Chi phí thẩm định giá tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 6. Trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện mua, bán tài sản, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của của cơ quan nhà nước phải tuân thủ các quy định của nhà nước về sử dụng ngân sách, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; nâng cao trách nhiệm, tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình khi lựa chọn đơn vị tư vấn và sử dụng kết quả thẩm định giá của đơn vị tư vấn.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện công tác thẩm định giá tài sản theo quy định.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Công TTĐT, Công báo tỉnh, Báo Lạng Sơn;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KT (NTA).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thu Hà